62

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
Tiếng Việt:	QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
Tiếng Anh:	URBAN AND INDUSTRIAL ZONE ENVIRONMENTAL MANAGEMENT
Mã số học phần:	140114023
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☐Bắt buộc	☒Tự chọn
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	6 tiết

Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	3 tiết
Số tiết thực tập:	… tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	… tiết
Kiểm tra:	1 tiết
Thời gian tự học:	60 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Cơ sở khoa học môi trường, Quản lý môi trường
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Môi trường - Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Chương trình đào tạo môn học "Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp" tập trung vào các nội dung chính như các khái niệm về đô thị hóa, công nghiệp hóa, các vấn đề môi trường gây ra bởi quá trình phát triển đô thị và các khu công nghiệp, các công cụ nhằm quản lý đô thị và KCN, phương pháp và kỹ thuật nhằm quản lý môi trường đô thị và KCN, các xu hướng phát triển bền vững đô thị và KCN.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Chương trình đào tạo môn học "Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp" được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng hợp về các công cụ, phương pháp và kỹ thuật quản lý môi trường trường đô thị và khu công nghiệp

Mục tiêu học phần ***(CGs)***	**Mô tả** ***(Course goal description)*** *(Học phần này trang bị cho sinh viên:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT** (ELOs)
CG1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về những vấn đề môi trường gây ra bởi quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa ở Việt Nam và thế giới.	ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CG2	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các công cụ, phương pháp và kỹ thuật quản lý môi trường đô thị và KCN: công cụ pháp lý, công cụ kỹ thuật, công cụ kinh tế	ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

CG3	Có khả năng xác định được vấn đề, phân tích nguyên nhân và đề xuất được giải pháp khắc phục vấn đề đã nêu, điều tra xã hội học từ quá trình khảo sát thực tế	ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CG4	Phát triển kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm: thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, trình bày và phản biện.	ELO3, ELO4, ELO5, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và CĐR của CTĐT

Mục tiêu học phần (CGs)	**CĐR của CTĐT**						
	ELO3	**ELO4**	**ELO5**	**ELO9**	**ELO10**	**ELO11**	**ELO12**
CG1	H	-	-	M	-	L	-
CG2	H	L	H	H	-	L	-
CG3	H	H	H	H	H	H	H
CG4	-	-	-	-	H	H	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP*[1]*	**Mô tả CĐR học phần** *[2]* *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)*	**Chuẩn đầu ra CTĐT***[3]*
CELO1	Diễn giải được các vấn đề môi trường phát sinh từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa	ELO3
CELO2	Vận dụng được các công cụ quản lý kinh tế, kỹ thuật, pháp lý vào công tác quản lý môi trường đô thị và KCN	ELO4, ELO5
CELO3	Phân tích được các dữ liệu về chất lượng môi trường, điều tra xã hội học từ quá trình khảo sát thực tế Xác định được các vấn đề và phân tích nguyên nhân do ô nhiễm môi trường ĐT&KCN	ELO3, ELO9, ELO10
CELO4	Đánh giá và đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý MT đô thị và KCN Đề xuất được các giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường đô thị và KCN trên cơ sở lồng ghép các công cụ pháp lý, kỹ thuật và kinh tế	ELO3, ELO4, ELO5, ELO9
CELO5	Tổ chức và triển khai làm việc nhóm hiệu quả	ELO10, ELO11,

		ELO12

Ghi chú: *Nhóm chuẩn đầu ra kiến thức: CELO1,2,3,4*

Nhóm chuẩn đầu ra kỹ năng:3,4

Nhóm mức độ tự chủ và trách nhiệm: CELO,2,3,4,5

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần và CĐR của CTĐT

CĐR học phần	CĐR của CTĐT						
	ELO3	ELO4	ELO5	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CELO1	H	-	-	-	-	-	-
CELO2	-	M	H	-	-	-	-
CELO3	H	-	-	M	M	-	-
CELO4	H	H	M	M	-	-	-
CELO5	-	-	-	-	H	H	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy áp dụng theo quy định trong công văn số 03/CV-KMtr của khoa môi trường:

(1). Phương pháp thuyết trình (Lecturing) ☒

(2). Phương pháp động não (Brainstorming) ☒

(3). Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share)

(4). Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) ☒

(5). Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) ☒

(6). Phương pháp đóng vai (Role playing)

(7). Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning)

(8). Phương pháp mô phỏng (Simualtion)

(9). Nghiên cứu tình huống (Case studies) ☒

(10). Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video) ☒

(11). Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập ☒

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: bài tập nhóm và thuyết trình

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☒ Thực hành☐ Khác☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: bài thi cuối kỳ

+ Hình thức thi: Tự luận☒ Trắc nghiệm Thực hành☐ Khác

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	**Nội dung đánh giá** [3]	**CĐR học phần (CELO.x.x)** [4]	**Số lần đánh giá / thời điểm** [5]	**Tiêu chí đánh giá** [6]	**Phương pháp đánh giá** [7]	**Tỷ lệ (%)** [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Thái độ học tập	Phẩm chất. kỹ năng	CELO5	Theo dõi thường xuyên trong suốt quá trình học.	Tích cực, sáng tạo (Theo Rubric 1)	PP quan sát	10%
	A2.2 Bài tập thuyết trình nhóm trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5.	Thuyết trình nhóm tuần 2, 4, 6, 8, 10	Hiểu nội dung thuyết trình, Phân tích và đánh giá đúng sai (Theo Rubric 3, 4)	PP quan sát PP phỏng vấn	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối khóa tự luận.	Kiến thức, kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5.	1 lần trong 60 phút.	Đáp ứng yêu cầu của đáp án. (Theo	PP viết	70%

					Rubric 2)		

5.3. Rubric đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá kết quả học tập của môn học áp dụng theo ma trận rubric quy định cho môn học lý thuyết theo quy định của Khoa Môi trường trong công văn 04/CV –KMtr.

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1 (3t)	**Giới thiệu môn học** - Giới thiệu mục tiêu và chuẩn đầu ra môn học - Giới thiệu nội dung, phương pháp học - Giới thiệu các yêu cầu bài tập cá nhân, nhóm và các cách đánh giá kết quả học tập, rubric của môn học	**PPGD:**Thuyết giảng,	
	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG GÂY RA BỞI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM 1.1. Các khái niệm cơ bản về đô thị hóa, công nghiệp hóa. 1.2. Hiện trạng và quy hoạch phát triển đô thị và khu công nghiệp tại Việt Nam. 1.3. Các vấn đề môi trường đô thị. 1.4. Các vấn đề môi trường tại các KCN **Nội dung tự học: (3 tiết)** - Xác định các vấn đề môi trường gây ra bởi quá trình đô thị hóa tại TPHCM	- Diễn giảng - Thảo luận: chia nhóm thảo luận về các vấn đề kinh tế, chính trị, môi trường, văn hóa phát sinh do quá trình đô thị hóa - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO1, CELO5**
2 (3t)	**Chương 2:** CÁC CÔNG CỤ PHÁP LÝ NHẰM QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KCN 2.1. Luật môi trường và các luật liên quan. 2.2. Chính sách môi trường và phát triển bền vững tại Việt Nam. 2.3. Các văn bản pháp lý trong lĩnh vực	- Diễn giảng - Thảo luận: tìm các văn bản pháp luật hiện hành về quản lý CTR/nước/đất/ không khí - Phương tiện:	**CELO2, CELO5**

	BVMT (Nghị định, Quyết định, thông tư, quyết định …) 2.4. Tiêu chuẩn môi trường. **Nội dung tự học: (3 tiết)** - Tìm hiểu các cơ sở pháp lý trong QLMT đô thị và KCN tại Việt Nam	Projector, laptop và bảng, phấn.	
3 **(3t)**	**Chương 3:** CÁC PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KCN 3.1. Quan trắc và quản lý chất lượng môi trường 3.2. Đánh giá môi trường chiến lược **Nội dung tự học: (6 tiết)** - Lập kế hoạch quan trắc nước mặt - Tìm hiểu nội dung của một báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược	- Diễn giảng - Thảo luận: Các thông số nào nên thực hiện quan trắc khi quan trắc nước thải các ngành nghề khác nhau... - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO3, CELO4, CELO5**
4 **(3t)**	**Chương 3:** CÁC PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KCN (tt) 3.3. Đánh giá tác động môi trường và đánh giá rủi ro môi trường 3.4. Quy hoạch môi trường 3.5. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám trong quản lý môi trường đô thị và KCN **Nội dung tự học: (3t)** - Xây dựng kế hoạch khảo sát một khu vực đô thị/KCN để tìm hiểu về hiện trạng QLMT	- Diễn giảng - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO3, CELO4, CELO5**
5 **(3t)**	**Chương 4:** CÁC CÔNG CỤ KINH TẾ TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ KCN 4.1. Khái quát chung về các công cụ kinh tế 4.2. Phí và lệ phí ô nhiễm 4.3. Thuế môi trường và thuế tài nguyên 4.4. Giấy phép có thể mua bán được **Nội dung tự học: (3t)** -Thiết kế bảng hỏi để khảo sát	- Diễn giảng - Thảo luận: công cụ nào phù hợp QLMT không khí TPHCM ở thời điểm hiện tại? - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO2, CELO5**

6 **(3t)**	4.5. Cơ chế phát triển sạch (CDM) 4.6. Quỹ môi trường, quỹ tái chế và các khoản trợ cấp môi trường; 4.7 Hệ thống ký quỹ và hoàn trả; 4.8 Nhãn sinh thái **Nội dung tự học: (3t)** - Thực hiện khảo sát tại khu vực dân cư trong đô thị hoặc KCN	- Diễn giảng - Video các vấn đề môi trường đô thị - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO2, CELO5**
7 **(3t)**	**Chương 5:** QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ 5.1. Quản lý rác thải sinh hoạt và rác thải y tế 5.2. Quản lý nước thải sinh hoạt và hệ thống thoát nước 5.3. Quản lý khí thải giao thông đô thị	- Diễn giảng - Thảo luận: nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí tại TPHCM, giải pháp giảm thiểu? - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO2, CELO3, CELO4, CELO5**
8 **(3t)**	5.4. Quản lý đất đô thị và cây xanh 5.5. Khái niệm về đô thị sinh thái **Nội dung tự học: (3t)** - Thực hiện khảo sát, ghi nhận hiện trạng bằng hình thức phỏng vấn, chụp hình, quay clip…	- Diễn giảng - Thảo luận: những lợi ích khi xây dựng đô thị sinh thái - Điều tra, khảo sát thực tế, phỏng vấn người dân - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO2, CELO3, CELO4, CELO5**
9 **(3t)**	**Chương 6:** QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP 6.1. Quản lý nước thải từ các KCN 6.2. Quản lý khí thải công nghiệp, tiếng ồn **Nội dung tự học: (6t)** - Xử lý số liệu khảo sát - Hoàn thiện báo cáo	- Diễn giảng - Video về các vấn đề môi trường KCN - Phương tiện: Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO2, CELO3, CELO4, CELO5**
10	6.3. Quản lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại	- Diễn giảng - Phương tiện:	**CELO2, CELO3,**

(3t)	6.4. Khái niệm về KCN thân thiện môi trường, KCN sinh thái.	Projector, laptop và bảng, phấn.	**CELO4, CELO5**
	Công bố điểm quá trình Hướng dẫn ôn tập và giải đáp thắc mắc Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo	GV thông báo	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Buổi)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	**CELO2**	**CELO3**	**CELO4**	**CELO5**
Buổi 1	H	-	-	-	-
Buổi 2	-	H	-	-	M
Buổi 3	-	H	-	-	M
Buổi 4	-	H	-	-	M
Buổi 5	-	H	-	-	M
Buổi 6	-	H	-	-	M
Buổi 7	M	-	H	H	H
Buổi 8	M	-	H	H	H
Buổi 9	M	-	H	H	H
Buổi 10	M	-	H	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính

[1]. Phạm Ngọc Đăng, Quản lý môi trường đô thị và Khu công nghiệp, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2000, 282 trang.

[2]. Lưu đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh, Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

[3]. Nguyễn Khiển, Quản lý môi trường, Hà Nội, 2002.

[4]. Lê Văn Khoa, Chiến lược và chính sách bảo vệ môi trường, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[5]. Các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, NXB Chính trị Quốc gia, Tập I-VI.

[6]. Bindu N. Lohani-Environmental Quality Management –1984

[7]. S. Ryding, Environmental Management Handbook, 1992

[8]. UNDP, Industry and Environment, The Environmental Management of Industrial Estate, 1997

[9]. Introduction Principles and Strategies of Urban Environmental Management, Bankok, Thailand, 1998.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không nói chuyện/làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su và sử dụng các sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần trong lớp học

Tuyệt đối không sử dụng các thiết bị như điện thoại, thiết bị nghe khác trong giờ học trừ khi giảng viên yêu cầu.

Tuyệt đối không được ngủ trong lớp học.

Tuyệt đối không xả rác trong lớp học, nêu cao tinh thần phân loại rác và bỏ rác đung quy định.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về tự học

Sinh viên trước và sau mỗi bài học trên lớp cần dành thời gian đọc bài, làm bài tập nhóm theo yêu cầu môn học

Thời gian tự học dành cho môn học là 60 tiết (môn 2 TC)

Sinh viên vắng 1 buổi học trên lớp tự học phần kiến thức vắng mặt và liên lạc với các bạn trong nhóm để học và bổ sung kiến thức

Sinh viên phải làm các bài tập cá nhân, bài tập nhóm và nộp trên đường link google drive do giảng viên cung cấp đúng thời hạn quy định.

8.4. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

8.5. Quy định phản hồi thông tin

Sinh viên tham gia phản hồi ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên về môn học và chất lượng đào tạo của khoa theo đường link sau đây vào cuối kỳ.

https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLScwei1Az3E-s1pLTDfwqjAshALX4Vz5b61jcCmYgHG-Aul48w/viewform

9. Giảng viên phụ trách môn học

- Giảng viên phụ trách môn học: Th.S Nguyễn Kim Chung.

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: Th.S Nguyễn Kim Chung, TS Huỳnh Anh Hoàng.

- Địa điểm liên lạc: Văn phòng Khoa Môi Trường – Phòng B211 – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM - 236 B Lê Văn Sỹ - Phường 01 – Quận Tân Bình – Tp HCM.

10. Ngày phê duyệt: 02/07/2020.

TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN	NGƯỜI BIÊN SOẠN
PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà	TS. Nguyễn Lữ Phương	Th.S Nguyễn Kim Chung